

Kế vị tông đồ

từ Thánh Phêrô tại Antiôkia, qua Tòa Thượng phụ Chính Thống Syria Antiôkia, cho đến ngày nay

trong dòng kế vị

Đức Giám mục*

Garland F. Byers, Jr., J.D., D.D.‡

Giám mục cho muôn dân, theo sứ mạng tông đồ

1. Thánh Phêrô, Tông đồ và Tử đạo CO

được Chúa Kitô kêu gọi khoảng năm 30 sau Công nguyên; giám mục tiên khởi của Antiôkia được nêu tên trong Kinh Thánh: "Ngươi là Phi-e-rơ, ta sẽ lập Hội thánh ta trên đá nầy" (Ma-thi-ơ 16:18); tại Antiôkia (Ga-la-ti 2:11)

Dòng kế vị tông đồ này trải dài từ Tông đồ Phêrô, khoảng năm 30 sau Công nguyên, cho đến ngày nay, tức là 1.996 năm tính đến năm 2026.

Dòng kế vị từ Thánh Phêrô đến Ignatius Peter IV, Thượng phụ Antiôkia, theo danh sách các thượng phụ Antiôkia do Giáo hội Chính Thống Syria lưu giữ: chính là danh sách mà Giáo hội ấy dựa vào để truy nguyên sự kế vị tông đồ của chính mình đến Thánh Phêrô, giám mục tiên khởi của Antiôkia.

Việc tấn phong vào chức vụ giám mục đã được trao truyền từ vị này sang vị kế tiếp, qua các Giáo hội được nêu tên dưới đây.

Một số giám mục trong dòng kế vị này cũng được tôn kính là thánh. Các dấu hiệu bên cạnh tên các ngài chỉ liên quan đến sự thánh thiện của đời sống. Các dấu hiệu ấy không liên quan gì đến tính hữu hiệu của bất cứ cuộc tấn phong nào: mỗi giám mục được liệt kê đều giữ vị trí của mình trong dòng kế vị như nhau, dù có được tôn kính là thánh hay không.

Th. Thánh: người được một Giáo hội công khai tôn kính là đã sống một đời thánh thiện anh hùng và nay đang ở cùng Đức Chúa Trời, và được Giáo hội ấy ghi nhớ trong lịch phụng vụ của mình. Trong Giáo hội sơ khai, các thánh được công

nhận qua sự tung hô của các tín hữu và các giám mục của họ; về sau, qua việc tuyên thánh chính thức trong Giáo hội Công giáo Rôma và việc tôn vinh hiển thánh trong Giáo hội Chính Thống.

Cp. Chân phước: trong Giáo hội Công giáo Rôma, người đã được phong chân phước, là bước chính thức đi trước việc tuyên thánh.

C Được Giáo hội Công giáo Rôma tôn kính là thánh hoặc chân phước.

O Được Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

CO Được cả Giáo hội Công giáo Rôma lẫn Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

Màu đỏ Tử đạo: người đã hiến mạng sống vì đức tin.

Các Giáo hội không phải lúc nào cũng nhất trí về việc ai là thánh. Một Giáo hội có thể tôn kính một người mà Giáo hội khác không tôn kính, và các dấu hiệu cho biết Giáo hội nào tôn kính mỗi vị.

Antiôkia

Tòa Antiôkia, nơi "người ta bắt đầu xưng môn đồ là Cơ-rê-tiên" (Công Vụ các Sứ đồ 11:26), do Thánh Phêrô sáng lập trước khi ngài đến Rôma. Các giám mục và thượng phụ Antiôkia từ Thánh Evôđiô, người kế vị Thánh Phêrô, đến Severus, vị thượng phụ cuối cùng mà cả Giáo hội Chính Thống Syria lẫn Giáo hội Chính Thống Hy Lạp cùng công nhận chung.

2. Th. Evôđiô CO 53
3. Th. Ignatiô CO *Tử đạo* 68
4. Heron I 100
5. Cornelius 127
6. Heron II 151
7. Th. Theophilus CO 169
8. Maximus I 188
9. Th. Serapion CO 191
10. Th. Asclepiades CO 212
11. Philetus 218
12. Zebinus 232
13. Th. Babylas CO *Tử đạo* 240
14. Fabius 253
15. Demetrian 256
16. Amphilochius 263
17. Paul thành Samosata 267
18. Domnus I 270
19. Timaeus 273
20. Cyril 277
21. Tyrannion 299
22. Vitalius 308
23. Th. Philogonius CO 314
24. Paulinus 324
25. Th. Eustathius CO 325
26. Eulalius 332
27. Euphronius 333
28. Flacillus 334
29. Stephen I 341
30. Leontius 345
31. Eudoxius 350
32. Th. Meletius CO 354
33. Anianus 357
34. Euzoius 360
35. Dorotheus 370
36. Paulinus II 371

37. Vitalius II 376
38. Th. Flavian I [CO] 384
39. Porphyrius 404
40. Alexander 408
41. Theodotus 418
42. John I 427
43. Domnus II 443
44. Maximus II 450
45. Basil 459
46. Acacius 459
47. Martyrius 461
48. Peter Thợ Nện Vải 465
49. Julian 466
50. John II 475
51. Stephen II 490
52. Stephen III 493
53. Calandion 495
54. John Codonatus 495
55. Palladius 497
56. Flavian II 505
57. Severus 513

Tòa Thượng phụ Chính Thống Syria

Từ khi Severus bị phế truất năm 518, các Thượng phụ Chính Thống Syria của Antiôkia, theo danh sách do Giáo hội ấy lưu giữ, cho đến Ignatius Peter IV, vị đã tấn phong Paulose Mar Athanasius làm Giám mục Kottayam năm 1877, cho Giáo hội tại Ấn Độ.

58. Sergius thành Tella 544
59. Paul II Người Đen 564
60. Peter III thành Callinicum 581
61. Julian II 591
62. Athanasius I Gammolo 595
63. John III của Sedre 631
64. Theodore 649
65. Severus II bar Masqeh 668
66. Athanasius II Baldoyo 684
67. Julian III 687
68. Elias I 709
69. Athanasius III 724
70. Iwannis I 740
71. George I 758
72. Joseph 790
73. Quriaqos thành Tagrit 793
74. Dionysius I Telmaharoyo 818
75. John IV 846
76. Ignatius II 878
77. Theodosius Romanus 887
78. Dionysius II 897
79. John V 910
80. Basil I 923
81. John VI 936
82. Iwannis II 954
83. Dionysius III 958
84. Abraham I 962
85. John VII Sarigta 965
86. Athanasius IV Salhoyo 987
87. John VIII bar Abdoun 1004
88. Dionysius IV Yahyo 1031
89. John IX bar Abdun 1049
90. Athanasius V Yahyo 1058
91. John X bar Shushan 1064
92. Basil II 1074
93. John bar Abdun 1075
94. Dionysius V Lazarus 1077
95. Iwannis III 1086
96. Dionysius VI 1088
97. Athanasius VI bar Khamoro 1091
98. John XI bar Mawdyono 1130

99. Athanasius VII bar Qatra 1139
100. Michael I người Syria 1166
101. Athanasius VIII bar Salibi 1199
102. John XII 1208
103. Ignatius III David 1222
104. Dionysius VII Angur 1252
105. John XIII bar Ma'dani 1252
106. Ignatius IV Yeshu 1264
107. Philoxenus I Nemrud 1283
108. Michael II 1292
109. Michael III Yeshu 1312
110. Basil III Gabriel 1349
111. Philoxenus II 1387
112. Basil IV Simon 1421
113. Ignatius Behnam Hadloyo 1445
114. Ignatius Khalaf 1456
115. Ignatius John XIV 1484
116. Ignatius Noah 1494
117. Ignatius Yeshu I 1509
118. Ignatius Jacob I 1512
119. Ignatius David I 1519
120. Ignatius Abdullah I 1521
121. Ignatius Ni'matallah 1557
122. Ignatius David II Shah 1576
123. Ignatius Pilate 1591
124. Ignatius Hidayat Allah 1598
125. Ignatius Simon 1640
126. Ignatius Yeshu II 1655
127. Ignatius Abdulmasih I 1662
128. Ignatius George II 1687
129. Ignatius Isaac II 1709
130. Ignatius Shukrallah II 1723
131. Ignatius George III 1746
132. Ignatius George IV 1768
133. Ignatius Matthew 1782
134. Ignatius Yunan 1817
135. Ignatius George V 1819
136. Ignatius Elias II 1838
137. Ignatius Jacob II 1847
138. Ignatius Peter IV 1872

Ấn Độ, Tích Lan và Hoa Kỳ

Từ Paulose Mar Athanasius, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên trước mình. Cùng với Thánh Gregorios thành Parumala, Mar Athanasius và Mar Julius I đã tấn phong Joseph René Vilatte tại Colombo, Ceylon, năm 1892, với sự ưng thuận của Thượng phụ.

139. Paulose Mar Athanasius 1877
140. Antonio Francisco Xavier Alvares (Mar Julius I) ... 1889
141. Joseph René Vilatte (Mar Timotheos) ... 1892
142. Francis John Edmund Barwell-Walker ... 1923
143. Emile Rodriguez y Fairfield ... khoảng năm 1961
144. Nils Bertil Alexander Persson 1986
145. Samuel Guido, Jr. 2004

146.

Garland F. Byers, Jr.

2013

Dòng kế vị chung với Thượng phụ Chính Thống Syria của Antiôkia

Thượng phụ Chính Thống Syria của Antiôkia và toàn Đông phương hiện nay, Thượng phụ Ignatius Aphrem II, và Đức Giám mục Byers cùng chung một dòng kế vị tông đồ từ Thánh Phêrô tại Antiôkia cho đến Thượng phụ Ignatius Peter IV (Thượng phụ Antiôkia 1872–1894). Chính tay Thượng phụ Peter IV đã tấn phong các giám mục mà từ đó cả hai dòng kế vị phát xuất: trong dòng kế vị của Thượng phụ Aphrem II là Gregorios Abded Aloho, về sau là Thượng phụ Ignatius Abded Aloho II, năm 1872; trong dòng kế vị của Đức Giám mục Byers là Paulose Mar Athanasius, Giám mục Kottayam, năm 1877.

Bí tích Truyền Chức Thánh

Lễ phong chức
Ngày 17 tháng 8 năm 2008, qua việc đặt tay, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, Palmerton, Pennsylvania.

Tấn phong giám mục
Ngày 20 tháng 4 năm 2013, qua việc đặt tay trong cử hành Bí tích Thánh Thể, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, hôm ấy nhóm họp tại American Legion Post 16, Slatington, Pennsylvania.

Vị chủ phong
Đức Tổng Giám mục Samuel Guido, Jr.

Các vị phụ phong
Giám mục Bradley A. Varvil
Giám mục Michael Byus
Giám mục James Thompson
Các chứng thư phong chức và tấn phong giám mục, cùng với hình ảnh lễ tấn phong, được trình bày trên trang Về Đức Giám mục.

Phục vụ

Được tấn phong giám mục ngày 20 tháng 4 năm 2013, trong Lutheran Orthodox Church, Inc., nơi về sau ngài đã phục vụ với tư cách Tổng Giám mục Giáo phận Western North Carolina. Đức Giám mục Byers không còn liên kết với tổ chức ấy.

Tiến sĩ Thần học (*honoris causa*), do Lutheran Orthodox Church, Inc. trao tặng ngày 20 tháng 4 năm 2013.



Mọi câu Kinh Thánh tiếng Việt trên trang này được trích từ bản *Kinh Thánh* 1934 (bản dịch của William Cadman và các cộng sự), thuộc phạm vi công cộng. Văn bản: ebible.org/vie1934. Chỉ trích dẫn từng đoạn; dấu chấm lửng (…) chỉ phần lược bỏ. Chỉ sửa vài chữ bị lỗi mã hóa trong bản điện tử ấy (chẳng hạn "Aáy" thành "Ấy", "k"" thành "kỳ"); riêng Ma-thi-ơ 6:10, bị lỗi không đọc được trong bản ấy, được lấy từ một bản sao khác của cùng bản Kinh Thánh 1934.

Thánh Phêrô, trích từ bức tiểu họa Thăng Thiên trong Sách Phúc Âm Rabbula (tờ 13v), một sách Phúc Âm tiếng Syria hoàn thành năm 586 sau Công nguyên tại Đan viện Thánh Gioan Zagba ở Syria; Biblioteca Medicea Laurenziana, Firenze (Plut. I, 56). Lấy từ Wikimedia Commons, public domain; đã cắt xén và đổi kích thước so với bản gốc.